

Bản án số: 113/2022/HS-ST

Ngày: 31/8/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Ngọc Phú, ông Nguyễn Văn Quyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và điểm cầu thành phần – Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2022/HSST ngày 27/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/HSST-QĐ ngày 19/8/2022, đối với bị cáo:

**Lê Đức L**, sinh năm 1982; ĐKKHKT và chỗ ở: Số 8/50 C, phường C1, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Lê Văn A và bà Đoàn Thị B; Gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ chín; Vợ là Nguyễn Thị B1, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Trần Thanh D, sinh năm 1993, chị Nguyễn Thị S, sinh 1997; Điều ĐKKHKT: Thôn N, xã N1, huyện N2, thành phố Hà Nội; Hiện cư trú: Số 139 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Đỗ Đình H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 05/66 K, phường C1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Phạm Văn P, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Lê Bích M, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 13/49 M1, phường M2, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Thành phần tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần:*

+ Ông Nguyễn Quang Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

+ Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương.

+ Ông Lê Minh Anh, ông Phạm Đức Trung, ông Nguyễn Văn Quý – Cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 03 giờ ngày 18/3/2022, Lê Đức L đi bộ lang thang một mình đến đường T, khu 4, phường T, thành phố H, mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp, L thấy chiếc container được cải tạo thành nơi ở của anh Trần Thanh D không đóng cửa nên đã nảy S ý định trộm cắp tài sản. L mở cửa thùng container đi vào trong thì thấy anh D, chị Nguyễn Thị S và cháu Trần Thị S1 đang nằm ngủ dưới sàn, trên mặt bàn trong thùng container để 01 chiếc điện thoại Iphone 6s màu vàng, bản 32Gb, 01 chiếc điện thoại Iphone 13 màu xanh bản 128Gb, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen và 01 túi xách. L cầm 2 chiếc điện thoại trên đút vào trong túi quần trái phía trước, cầm trên tay chiếc máy tính xách tay và kiểm tra lấy trong túi xách số tiền 1.000.000 đồng cất vào túi quần. Khi đi ra khỏi container, L thấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu JVC loại go go, màu đen xám, số máy 602601, số khung B2311, không có biển số của vợ chồng anh D dựng ở sát container, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện của xe nên L dắt xe ra ngoài đường, bật điện và điều khiển xe đi về hướng trung tâm thành phố H. Khi đi đến khu đô thị Đình L, L thấy có xe ô tô phía sau (không nhớ biển số) bật đèn pha sáng, L nghĩ bị phát hiện, đuổi theo sau nên đã rẽ vào 1 đường khác (không nhớ tên đường) và làm rơi chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen để ở chỗ để chân của xe máy điện xuống đường (không nhớ vị trí). Sau đó, L điều khiển xe máy điện về phòng trọ của L ở số 12/49 M1, phường M2, thành phố H. Khi về đến phòng trọ, L kiểm tra lại tài sản trộm cắp thì phát hiện bị rơi mất chiếc điện thoại Iphone 6s (không nhớ rơi tại đâu) chỉ còn chiếc Iphone 13, màu xanh bản 128Gb. L dò mật khẩu và mở khóa được điện thoại Iphone 13, thay đổi mật khẩu, Icloud của máy, xóa toàn bộ dữ liệu, thông tin máy và sử dụng bình thường (đã tháo sim điện thoại vút đi và không nhớ vút ở đâu); chiếc xe máy điện L cất giấu tại phòng trọ không sử dụng. Ngày 11/4/2022, L đến cửa hàng mua bán điện thoại Phone shop ở số 11 S2, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố H gặp và bán chiếc điện thoại Iphone 13, màu xanh bản 128Gb L trộm cắp được cho chủ cửa hàng là anh Đỗ Đình H với số tiền 12.000.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/4/2022, do sợ bị phát hiện, L đi xe máy điện chiếm đoạt được đến và gửi tại nhà xe của Bệnh viện HK. Số tiền 1.000.000 đồng chiếm đoạt được và 12.000.000 đồng bán điện thoại Iphone 13 chiếm đoạt L đã chi tiêu hết.

Anh Đỗ Đình H đã bán chiếc điện thoại Iphone 13, màu xanh bản 128Gb cho anh Phạm Văn P. Ngày 18/4/2022, anh Phạm Văn P đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương 01 chiếc điện thoại Iphone 13 màu xanh, dung lượng 128Gb, số Imei 358691733610673, điện thoại không lắp sim, hoạt động bình thường, đã qua sử dụng.

Ngày 19/4/2022, anh Nguyễn Tuấn Anh (bảo vệ tại bãi xe bệnh viện HK) đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H 01 xe máy điện nhãn hiệu

JVC, màu đen xám, số máy 602601, số khung B2311, xe không có biển số, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 19 ngày 09/5/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hải Dương kết luận: 01 xe máy điện nhãn hiệu JVC loại go go, màu sơn đen - xám, số máy 602601, số khung B2311, có giá trị còn lại là 11.120.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 13, màu xanh, bản 128Gb, có giá trị còn lại là 16.392.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu HP820G1, màu đen, Core I5, ram 4Gb, bộ nhớ 120Gb, màn hình 12,5 inch, có giá trị còn lại là 1.060.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6s, màu vàng, bản 32 Gb có giá trị còn lại là 798.000 đồng; Phí làm lại 01 sim Viettel là 25.000 đồng. Tổng giá trị là 29.395.000 đồng.

Đối với 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu JVC loại go go, màu đen xám, số máy 602601, số khung B2311, không có biển số; 01 điện thoại Iphone 13, màu xanh, bản 128Gb đã qua sử dụng cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương đã trả lại cho anh D. Đại diện gia đình bị cáo đã bồi thường anh D 4.000.000 đồng nên anh D không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Anh H yêu cầu L hoàn trả số tiền 12.000.000 đồng, là số tiền anh H mua điện thoại của L. Anh P đã được anh H trả số tiền mua điện thoại do L chiếm đoạt nên không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại Cáo trạng số 112/CT-VKSTPHD, ngày 25/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Lê Đức L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn đề nghị, anh D xác định gia đình anh đã nhận lại 01 xe máy điện, 01 điện thoại Iphone 13, các tài sản còn lại không thu hồi được gia đình bị cáo L đã bồi thường bằng tiền nên không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, anh D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Văn P và anh Đỗ Đình H, chị Lê Bích M vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn đề nghị của anh P xác định anh H đã trả lại số tiền anh bỏ ra mua điện thoại nên không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Chị M xác định số tiền bị cáo nhờ bồi thường cho bị hại, giữa chị và bị cáo L sẽ tự giải quyết, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H đề nghị bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 12.000.000đ.

Tại đơn đề nghị của bà Đoàn Thị B (là mẹ đẻ bị cáo) đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh bị cáo vợ đã ly hôn, một mình nuôi hai con, bà cũng đã cao tuổi việc chăm sóc các cháu cũng hạn chế nên đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo L cơ hội sớm trở về xã hội để nuôi dạy con tốt hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức L, phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức L từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam (ngày 23/5/2022); Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 117, Điều 122, Điều 127, Điều 131 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền 12.000.000đ; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số

97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo Lê Đức L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá tài sản, sơ đồ hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 03 giờ ngày 18/3/2022, tại khu 4, phường T, thành phố H, lợi dụng sơ hở, Lê Đức L đã có hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại Iphone 6s, màu vàng, bản 32Gb trị giá 798.000đ; 01 điện thoại Iphone 13 màu xanh bản 128Gb trị giá 16.392.000đ; phí làm lại sim Viettel là 25.000đ, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu đen trị giá 1.060.000đ; 01 xe máy điện nhãn hiệu JVC loại go go, màu đen xám trị giá 11.120.000đ, số tiền 1.000.000 đồng của vợ chồng anh Trần Thanh D và chị Nguyễn Thị S. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 30.395.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tác động nhờ gia đình bồi thường bằng tiền đối với số tài sản bị cáo chiếm đoạt được của vợ chồng anh D nhưng không thu hồi được, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố đẻ bị cáo là ông Lê Văn A được Hội cựu thanh niên xung P Việt Nam công nhận bằng vàng danh dự, hơn nữa hoàn cảnh gia đình bị cáo éo le nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách

ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với 01 chiếc xe máy điện, điện thoại Iphone 13 bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng anh D cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại nên không phải xem xét giải quyết. Đối với các tài sản còn lại không thu hồi được, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho vợ chồng anh D 4.000.000 đồng nên anh D không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 13, bị cáo chiếm đoạt của anh D bị cáo đã bán cho anh H với số tiền 12.000.000đ, sau đó anh H bán lại cho anh P với giá 14.500.000đ. Sau khi sự việc bị phát hiện, anh P đã giao nộp chiếc điện thoại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương để trả lại cho bị hại, anh H đã trả lại cho anh P số tiền trên nên anh P không yêu cầu gì về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 12.000.000đ, anh H đã bỏ ra để mua điện thoại của L, đến nay L vẫn chưa hoàn trả lại cho anh H, anh H yêu cầu L hoàn trả số tiền 12.000.000 đồng cho anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh H mua chiếc điện thoại là do bị cáo đã không nói cho anh H biết về nguồn gốc của chiếc điện thoại nên yêu cầu của anh H là có căn cứ. Do vậy, cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh H số tiền 12.000.000đ là phù hợp quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 117, 122, 127, 131 Bộ luật Dân sự.

Đối với số tiền 4.000.000đ, bị cáo nhờ chị M bồi thường cho bị hại, chị M xác định sau này gia đình sẽ tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Tòa án không xem xét giải quyết về vấn đề này.

[6]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo có trách nhiệm hoàn trả nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7]. Về vấn đề khác: Đối với anh Đỗ Đình H và Phạm Văn P là người mua chiếc điện thoại Iphone 13 màu xanh, bản 128Gb, anh H và anh P không biết chiếc điện thoại trên là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 117, Điều 122, Điều 127, Điều 131 Bộ luật Dân sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Đức L 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 23/5/2022).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Đức L phải hoàn trả cho anh Đỗ Đình H số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền nêu trên. Nếu các bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự.*

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Đức L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/8/2022); Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- CQ HSNV Công an TP Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhan**

